

**CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2011/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2011

**NGHỊ ĐỊNH****Về cấp và quản lý bảo lãnh chính phủ****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

**NGHỊ ĐỊNH:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về việc cấp bảo lãnh chính phủ; quản lý bảo lãnh chính phủ và trách nhiệm của các cơ quan trong việc cấp và quản lý bảo lãnh chính phủ đối với các khoản vay trong nước và nước ngoài, bao gồm cả các khoản phát hành trái phiếu trong nước, trái phiếu quốc tế.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người nhận bảo lãnh là người có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ khoản vay, các khoản trái phiếu phát hành được bảo lãnh. Người nhận bảo lãnh bao gồm người cho vay, người mua trái phiếu và những người nhận chuyển nhượng, những người nhận chuyển giao hợp pháp của người cho vay và được hiểu là người cho vay trong các thỏa thuận vay, thỏa thuận phát hành trái phiếu.

2. Người nhận chuyển nhượng của người được bảo lãnh hoặc của người nhận bảo lãnh là người nhận toàn bộ hoặc một phần các quyền và nghĩa vụ của người được bảo lãnh hoặc người nhận bảo lãnh trong chuyển nhượng.

3. Người nhận chuyển giao của người được bảo lãnh hoặc của người nhận bảo lãnh là người nhận toàn bộ hoặc một phần các quyền và nghĩa vụ của người được bảo lãnh hoặc người nhận bảo lãnh trong chuyển giao.

4. Nghĩa vụ thanh toán là các khoản phải trả gồm nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí, bồi thường tổn thất (nếu có) theo quy định trong thỏa thuận vay hoặc thỏa thuận phát hành trái phiếu cụ thể và được chấp nhận trong thư bảo lãnh.

5. Đại diện tiếp nhận hồ sơ tố tụng là cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài hoặc một tổ chức được ủy quyền để tiếp nhận, xác nhận việc đã nhận được các hồ sơ tố tụng liên quan đến bảo lãnh chính phủ và chuyển toàn bộ hồ sơ trên cho Bộ Tài chính.

6. Ý kiến pháp lý là văn bản do Bộ Tư pháp phát hành phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam tại thời điểm phát hành; phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và phù hợp với các thông lệ tài chính, tín dụng, thương mại và đầu tư quốc tế.

### **Điều 3. Hình thức bảo lãnh**

1. Bảo lãnh chính phủ là bảo lãnh có tính pháp lý cao nhất tại Việt Nam. Cam kết bảo lãnh chính phủ được thực hiện dưới hình thức thư bảo lãnh, hợp đồng bảo lãnh hoặc quyết định bảo lãnh (sau đây gọi chung là “thư bảo lãnh”).

2. Chính phủ chỉ cấp bảo lãnh, không cấp tái bảo lãnh.

### **Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan phối hợp**

1. Bộ Tư pháp:

a) Tham gia đàm phán và có ý kiến về những vấn đề pháp lý trong các thỏa thuận vay nước ngoài, thỏa thuận phát hành trái phiếu quốc tế, thư bảo lãnh trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; tham gia ý kiến về những vấn đề pháp lý trong các văn kiện vay, trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế trong nước theo đề nghị của người vay, người cho vay và của Bộ Tài chính;

b) Chủ trì đàm phán và cấp ý kiến pháp lý đối với các thỏa thuận vay nước ngoài, thỏa thuận phát hành trái phiếu quốc tế, thư bảo lãnh, người bảo lãnh và người được bảo lãnh;

c) Phối hợp với Bộ Tài chính xử lý các tranh chấp pháp lý phát sinh liên quan đến việc thực hiện thư bảo lãnh.

2. Bộ Ngoại giao: phối hợp với Bộ Tài chính chỉ định cơ quan đại diện thích hợp của Việt Nam ở nước ngoài được ủy quyền làm Đại diện tiếp nhận hồ sơ tố tụng liên quan đến bảo lãnh chính phủ trong trường hợp thủ tục tố tụng được thỏa thuận trong thỏa thuận vay nước ngoài và thư bảo lãnh quy định có Đại diện tiếp nhận hồ sơ tố tụng là cơ quan đại diện thích hợp của Việt Nam ở nước ngoài.

**Điều 5. Thực hiện hạn mức bảo lãnh vay của Chính phủ**

1. Bộ Tài chính thực hiện cấp bảo lãnh chính phủ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với từng khoản vay hoặc từng đợt phát hành trái phiếu trong phạm vi hạn mức vay nước ngoài và bảo lãnh chính phủ được duyệt.

2. Trường hợp hạn mức bảo lãnh chính phủ đã được phê duyệt trong năm đã được cấp hết nhưng vẫn có đề nghị cấp bảo lãnh chính phủ cho các trường hợp dự án, công trình trọng điểm, dự án lớn có tính cấp bách và có tầm quan trọng đặc biệt cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, Bộ Tài chính có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh hạn mức bảo lãnh chính phủ của năm đó nhưng phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn nợ quốc gia.

**Điều 6. Chương trình, dự án được xem xét cấp bảo lãnh chính phủ**

1. Chương trình, dự án được xem xét cấp bảo lãnh chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Luật Quản lý nợ công.

2. Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể về chương trình, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án trong lĩnh vực năng lượng, khai thác, chế biến khoáng sản hoặc dự án sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ xuất khẩu; chương trình, dự án thuộc lĩnh vực, địa bàn được Nhà nước khuyến khích đầu tư theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 33 của Luật Quản lý nợ công.

**Điều 7. Điều kiện cấp bảo lãnh chính phủ**

Ngoài các điều kiện nêu tại Điều 34 của Luật Quản lý nợ công, một số quy định chi tiết về điều kiện cấp bảo lãnh chính phủ như sau:

1. Đối với chương trình, dự án:

a) Phải nằm trong danh mục chương trình, dự án được Chính phủ bảo lãnh do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ;

b) Đối với các chương trình, dự án đặc biệt không nằm trong danh mục phải được Thủ tướng Chính phủ quyết định theo từng chương trình, dự án.

2. Đối với người vay, người phát hành trái phiếu:

a) Là doanh nghiệp thực hiện chương trình, dự án được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định về hoạt động, về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật;

b) Đối với các ngân hàng chính sách của Nhà nước, tổ chức tài chính tín dụng được Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện chương trình tín dụng chính sách, chương trình tín dụng có mục tiêu của Nhà nước;

Các tổ chức tài chính, tín dụng phải đạt hệ số an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Chính phủ hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Đối với các khoản vay, khoản phát hành trái phiếu:

a) Phải nằm trong hạn mức bảo lãnh chính phủ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này;

b) Đối với khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế:

- Phải nằm trong hạn mức vay thương mại nước ngoài đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Loại tiền vay là ngoại tệ tự do chuyển đổi;

- Đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu quốc tế theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu quốc tế.

c) Đối với các khoản vay, phát hành trái phiếu trong nước:

- Đáp ứng các điều kiện về phát hành trái phiếu trong nước theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu trong nước;

- Trái phiếu do các ngân hàng chính sách của Nhà nước (Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội) được Chính phủ bảo lãnh theo kế hoạch huy động vốn và cho vay chính sách được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Trái phiếu do các doanh nghiệp phát hành huy động vốn cho các dự án đầu tư theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao được Chính phủ bảo lãnh.

### **Điều 8. Mức bảo lãnh**

Mức bảo lãnh không vượt quá 80% tổng mức đầu tư của chương trình, dự án, trong đó đã bao gồm tất cả các chi phí vay có liên quan, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 34 của Luật Quản lý nợ công.

Đối với trường hợp doanh nghiệp có sự tham gia góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện dự án thuộc đối tượng được cấp bảo lãnh chính phủ nêu tại Điều 32 của Luật Quản lý nợ công, việc bảo lãnh chỉ được thực hiện cho phần vốn vay tương ứng với trách nhiệm của bên Việt Nam trong doanh nghiệp.

### **Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp bảo lãnh**

1. Văn bản yêu cầu có bảo lãnh chính phủ của người cho vay gửi người vay; văn bản đề nghị cấp bảo lãnh chính phủ của người vay, người phát hành trái phiếu.

2. Các văn bản về tư cách pháp lý gồm Quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp là chủ đầu tư chương trình, dự án.

3. Quyết định đầu tư kèm theo hồ sơ dự án theo quy định hiện hành.
  4. Đề án vay, phát hành trái phiếu, phương án sử dụng vốn vay, trả nợ, trong đó xác định rõ:
    - a) Nguồn vốn đầu tư (gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay);
    - b) Tính khả thi của khoản vay, khoản phát hành trái phiếu về điều kiện vay;
    - c) Khả năng hoàn trả của chương trình, dự án.
  5. Các bản chào của người cho vay kèm theo dự thảo thỏa thuận vay, đề án và hồ sơ phát hành trái phiếu.
  6. Các báo cáo tài chính của 3 năm gần nhất đã được kiểm toán. Đối với những trường hợp doanh nghiệp mới thành lập hoặc chưa đủ 3 năm hoạt động thì phải có văn bản cam kết của đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ về đảm bảo khả năng trả nợ.
- Nội dung cam kết của đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc của công ty mẹ nhằm đảm bảo sự sẵn sàng trả nợ thay trong trường hợp doanh nghiệp được bảo lãnh gặp khó khăn trong việc trả nợ.
7. Văn bản cam kết theo quy định tại Phụ lục II của Nghị định này.

#### **Điều 10. Trình tự thẩm định và cấp bảo lãnh**

1. Thẩm định phương án tài chính của chương trình, dự án đầu tư
- Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp bảo lãnh đầy đủ và hợp lệ từ người vay, người phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này, Bộ Tài chính thẩm định phương án tài chính và hồ sơ đề nghị cấp bảo lãnh với các nội dung sau:
- a) Thẩm định đối tượng, loại hình chương trình, dự án đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 32 và 33 của Luật Quản lý nợ công và đáp ứng các điều kiện của Điều 6 và Điều 7 của Nghị định này;
  - b) Thẩm định phương án tài chính của chương trình, dự án sử dụng vốn vay, vốn phát hành trái phiếu. Phương pháp thẩm định được quy định chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này;
  - c) Đối với các trường hợp dự án, công trình trọng điểm, dự án lớn có tính cấp bách và có tầm quan trọng đặc biệt cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; các khoản vay thương mại đi cùng khoản viện trợ không hoàn lại hoặc vay ODA để tạo thành nguồn tài trợ dưới dạng tín dụng hỗn hợp (dự án đã được chỉ định theo các nguồn